

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ VŨNG TÀU  
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **81/2019/HNGĐ-ST**  
Ngày: 06 - 9 - 2019  
V/v ly hôn và tranh chấp nuôi  
con chung.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hoàng Trí Thức.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Văn Hải.

2. Ông Đặng Song Hoàn.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Ngô Thị Minh Hải - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 329/2019/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2019 về “Ly hôn và tranh chấp nuôi con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 51/2019/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị Minh N, sinh năm 1983. Địa chỉ: 921/19 Đường 30/4, Phường 11, thành phố V, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. (vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Ông Bùi Văn T, sinh năm 1983. Địa chỉ: 921/19 Đường 30/4, Phường 11, thành phố V, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. (vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Phạm Thị Minh N trình bày:*

Bà N và ông T tự nguyện chung sống vợ chồng với nhau và có đăng ký kết hôn năm 2016 tại UBND Phường M, thành phố V. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng từ khi sinh con, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, thường hay bất đồng quan điểm gây gổ nhau và ông T không quan tâm gì tới vợ con, sự việc kéo dài dẫn đến không còn tình cảm với nhau cảm. Do đó, vợ chồng không thể tiếp tục chung sống nên đã ly thân nhau khoảng 1 năm nay, mạnh ai nấy sống không quan tâm gì đến nhau. Xét thấy, tình cảm vợ chồng không còn nên bà N yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà N và ông T có 1 con chung là Bùi Phạm Linh Đ, sinh ngày 28/11/2017. Bà N yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn ông Bùi Văn T:* Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông T đều vắng mặt không có lý do nên xem như từ bỏ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

*Ý kiến đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:* Về thủ tục tố tụng, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đều tuân theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự; Về nội dung, căn cứ kết quả xác minh về nơi cư trú của ông T và tình trạng mâu thuẫn vợ chồng, xét thấy bà N yêu cầu ly hôn với ông T là có cơ sở nên chấp nhận. Về con chung, chấp nhận yêu cầu của bà N được nuôi con chung là cháu Bùi Phạm Linh Đ, sinh ngày 28/11/2017, ông T không phải cấp dưỡng nuôi con do bà N không yêu cầu. Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu nên không xét đến.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Tòa án nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do nên căn cứ Điều 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[2] Về nội dung vụ án: Bà Phạm Thị Minh N và ông Bùi Văn T tự nguyện chung sống vợ chồng với nhau và có đăng ký kết hôn ngày 14/3/2016 tại UBND Phường 11, thành phố V nên quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông T là hợp pháp. Về mâu thuẫn vợ chồng, bà N cho rằng thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, cả hai đều không quan tâm lẫn nhau và đã ly thân khoảng 1 năm hiện không còn tình cảm nên yêu cầu ly hôn với ông T. Tại biên bản xác minh nơi cư trú và tình trạng mâu thuẫn vợ chồng thể hiện vợ chồng bà N, ông T có phát sinh mâu thuẫn và đã không còn chung sống khoảng 1 năm. Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng bà N, ông T là có thật và có thời gian dài sống ly thân, thể hiện mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N đối với ông T.

[3] Về con chung: Bà N và ông T có 1 con chung là Bùi Phạm Linh Đ, sinh ngày 28/11/2017 hiện đang ở với bà N. Bà N yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, cháu Đan hiện còn nhỏ và đang sống ổn định với bà N và bà N bảo đảm được cuộc sống của con nên giao cháu Đan cho bà N được trực tiếp nuôi dưỡng, ông T không phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà N không yêu cầu giải quyết nên không xét đến.

[5] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] Án phí: Bà N phải nộp 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Minh N được ly hôn với ông Bùi Văn T.

2. Về con chung: Bà Phạm Thị Minh N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Bùi Phạm Linh Đ, sinh ngày 28/11/2017; Ông Bùi Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con do bà N không yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ, hoặc cá nhân, tổ chức được qui định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Phạm Thị Minh N không yêu cầu giải quyết nên không xét đến.

4. Án phí: Bà Phạm Thị Minh N phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tiền số 0009327 ngày 03/4/2019. Bà N đã nộp đủ tiền án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

#### **Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND, VKSND tỉnh BR-VT;
- VKSND thành phố V;
- Chi cục THADS thành phố V;
- UBND Phường M, thành phố V;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**HOÀNG TRÍ THỨC**